TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
TỈNH QUẢNG NAM

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 06/2023/HS-ST
Ngày: 21/02/2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lê Tự Soái.**

Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Lê Thị Kim Phụng** và ông **Nguyễn Công Hiền.**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Mạc Văn Hinh**- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ tham gia phiên toà: Ông **Nguyễn Phước**- Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Quảng Nam tiến hành mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 09/2023/TLST-HS ngày 19 tháng 01 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2023/QĐXXST-HS ngày 30 tháng 01 năm 2023 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Trương Thanh T**, sinh năm 1980 tại huyện D, tỉnh Quảng Nam; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: thôn A , xã H, huyện D, tỉnh Quảng Nam; giới tính: Nam; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ học vấn: 12/12; con ông Trương T (đã chết) và bà Hồ Thị A (sinh năm 1956); có vợ là Trần Thị T (sinh năm 1982) và có 03 con (con lớn sinh năm 2002, con nhỏ sinh năm 2018); tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 16/3/2022, đến ngày 21/10/2022 thay đổi biện pháp ngăn chặn (Bảo lĩnh); có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: **Trần Thị T**, sinh năm 1982 tại huyện Duy X, tỉnh Quảng Nam; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: thôn A, xã H, huyện D, tỉnh Quảng Nam; giới tính: Nữ; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 12/12; con ông Trần Thanh B (sinh năm 1956) và bà Nguyễn Thị T (sinh năm 1957); có chồng là Trương Thanh T (sinh năm 1980) và có 03 con (con lớn sinh năm 2002, con nhỏ sinh năm 2018); tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo được áp dụng biện pháp ngăn chặn Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt tại phiên tòa.

** Bị hại:* Bà **Nguyễn Thị Q**, sinh năm 1972; trú tại: thôn P, xã N, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam; vắng mặt.

** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

- Ông **Phan Đình N**, sinh năm 1995; trú tại: thôn P, xã N, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam; vắng mặt.

- Ông **Nguyễn Hoàng Q**, sinh năm 1996; trú tại: thôn P, xã N, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam; vắng mặt.

+ Ông **Nguyễn Đắc A**, sinh năm 1967; trú tại: thôn 3, xã H, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam; vắng mặt.

- Bà **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1989; trú tại: khu H, thị trấn A, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 14/12/2019, Trương Thanh T ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BY799885, thửa đất số 1096, tờ bản đồ số 26, địa chỉ thôn 4, xã H, huyện D, tỉnh Quảng Nam mang tên Trương Thanh T cho ông Nguyễn Văn T (sinh năm 1963; trú thôn B, xã X, huyện Q, tỉnh Quảng Nam) và được Văn phòng công chứng Đặng Thị B (địa chỉ 30 Nguyễn Thành H, thị trấn N, huyện D) chứng thực và ông Nguyễn Văn T giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên.

Đến thời gian khoảng tháng 01 năm 2021, do làm ăn thua lỗ nợ nần nên Trương Thanh T truy cập mạng xã hội Facebook thấy có người làm giấy tờ, tài liệu giả nên nảy sinh ý định làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả để thế chấp vay tiền trả nợ. T liên hệ với một tài khoản Facebook (không rõ nhân thân, lai lịch) và đặt làm một giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BY799885, thửa đất số 1096, tờ bản đồ số 26; địa chỉ thôn 4, xã H, huyện D, tỉnh Quảng Nam mang tên Trương Thanh T giả với số tiền là 10.000.000 đồng. Tài khoản trên yêu cầu T chuyển trước vào tài khoản mang tên Nguyễn Long A số tài khoản 12815867 mở tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần A số tiền 500.000 đồng để đặt cọc và cung cấp thông tin cá nhân để làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả. Khoảng 07 ngày sau, T nhận được 01 bưu phẩm bên trong có 01 giấy chứng nhận giả trên và giao lại cho nhân viên giao hàng số tiền 9.500.000 đồng.

Sau khi nhận được giấy chứng nhận giả, T đưa cho vợ là Trần Thị T và nói *"tôi mới làm cái sổ trên mạng đây, điện chỗ thằng Q qua cầm đỡ lấy tiền trả nợ"*. Nghe vậy, Trần Thị T biết là giấy tờ giả nên nói lại *"làm ri ở tù chết"*, nhưng Trương Thanh T nói "*mình vay tư nhân chớ có chi đâu mà sợ, vay đỡ vài bữa rồi bán đất trả nợ"*. Nghe vậy, T đồng ý và điện thoại Nguyễn Hoàng Q (là nhân viên dịch vụ cầm đồ M) để trao đổi việc cầm cố giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất giả. Sau đó, Q cùng Phan Đình N (là nhân viên dịch vụ cầm đồ M) đến nhà của vợ chồng Trương Thanh T, Trần Thị T để xem đất và giấy tờ. Tại đây, Trương Thanh T và Trần Thị T thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BY799885 mang tên Trương Thanh T giả cho dịch vụ cầm đồ M (địa chỉ thôn P, xã N, huyện Đ) để vay tiền số tiền 200.000.000 đồng với lãi suất là 5%/tháng. Sau khi thống nhất, vợ chồng Trương Thanh T và Trần Thị T đưa giấy chứng nhận giả trên cho Q và N để làm thủ tục. Đến ngày 29/01/2021, để bảo đảm cho việc cầm cố trên nên Trương Thanh T và Phan Đình N đến Văn phòng Công chứng Đ để ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và nhà ở cho Phan Đình N và hợp đồng đã được Văn phòng Công chứng Đ chứng thực. Sau đó, Trương Thanh T và Trần Thị T ký hợp đồng cầm cố 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất giả với bà Nguyễn Thị Q (là chủ dịch vụ cầm đồ M) và bà Q đưa cho vợ chồng Trương Thanh T và Trần Thị T số tiền 200.000.000 đồng, đồng thời dịch vụ cầm đồ M giữ giấy chứng

nhận giả trên. Trong thời gian này, vợ chồng Trương Thanh T và Trần Thị T có trả tiền lãi cho dịch vụ cầm đồ M số tiền là 10.000.000 đồng. Đến ngày 27/4/2021, Trương Thanh T và Trần Thị T tiếp tục sử dụng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất giả trên vay thêm 160.000.000 đồng thì dịch vụ cầm đồ M đồng ý và hai bên ký lại hợp đồng cầm cố với số tiền là 360.000.000 đồng và thời hạn cầm cố là đến ngày 27/7/2021. Trương Thanh T và Trần Thị T nhận số tiền 140.000.000 đồng do dịch vụ cầm đồ trừ đi 02 tháng tiền lãi mà vợ chồng Trương Thanh T và Trần Thị T chưa trả. Đến hạn thanh lý hợp đồng, do Trương Thanh T và Trần Thị T không trả tiền nên Phan Đình N cầm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BY799885 mang tên Trương Thanh T giả đến UBND xã H, huyện D xác nhận nguồn gốc đất thì phát hiện giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có dấu hiệu làm giả nên trình báo cơ quan Công an để giải quyết.

Tại kết luận giám định số: 14/KL-PC09(TL) ngày 18/02/2022 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Nam, kết luận:

- Chữ ký, chữ viết họ tên Trần Thị T (dưới chữ ký) trên tài liệu cần giám định ký hiệu A so với chữ ký, chữ viết đứng tên Trần Thị T trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M1 và M2 là do cùng một người ký, viết ra.

Tại kết luận giám định số: 15/KL-PC09(TL) ngày 18/02/2022 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Nam, kết luận:

- Chữ ký, chữ viết họ tên Trương Thanh T (dưới chữ ký) trên tài liệu cần giám định ký hiệu A1 và A2 so với chữ ký, chữ viết đứng tên Trương Thanh T trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M1, M2 và M3 là do cùng một người ký, viết ra.

Tại kết luận giám định số: 16/KL-PC09(TL) ngày 18/02/2022 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Nam, kết luận:

- Phôi của tài liệu cần giám định ký hiệu A so với phôi mẫu so sánh ký hiệu M1 không phải được in ra từ cùng phương pháp in.

- Chữ ký đứng tên Nguyễn Công D trên tài liệu cần giám định ký hiệu A so với chữ ký đứng tên Nguyễn Công D trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu từ M2 đến M5 không phải do cùng một người ký ra.

- Hình dấu tròn màu đỏ có nội dung "ỦY BAN NHÂN DÂN H. D -T.QUẢNG NAM" trên tài liệu cần giám định ký hiệu A so với hình dấu tròn màu đỏ có cùng nội dung trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M2, M4, M6 không phải do cùng một con dấu đóng ra.

Tại bản Cáo trạng số: 11/CT-VKS ngày 18/01/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Quảng Nam đã truy tố bị cáo Trương Thanh T về tội *"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"* theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015 và tội *"Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức"* theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 341 Bộ luật Hình sự năm 2015; bị cáo Trần Thị T về tội *"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"* theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ giữ nguyên quan điểm như Cáo trạng truy tố đối với các bị cáo, phân tích tính chất mức độ nguy hiểm cho xã hội về hành vi phạm tội của các bị cáo và nhân thân cũng như các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của từng bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Đối với bị cáo Trương Thanh T:

+ Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 174; điểm b, s (02 tình tiết là thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải) khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015; xử phạt bị cáo từ 36 đến 42 tháng tù về tội *"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"*.

+ Căn cứ điểm b khoản 3 Điều 341; điểm s (02 tình tiết là thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải) khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015; xử phạt bị cáo từ 24 đến 30 tháng tù về tội *"Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức"*.

+ Căn cứ Điều 55 Bộ luật Hình sự năm 2015 để tổng hợp hình phạt chung cho cả 02 tội từ 60 đến 72 tháng tù.

- Đối với bị cáo Trần Thị T:

+ Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 174; điểm b, s (02 tình tiết là thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải) khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 65; Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015; xử phạt bị cáo từ 24 đến 30 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 48 đến 60 tháng về tội *"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"*.

*** Về vật chứng:** Tạm giữ 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất giả; 02 hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và nhà ở; 01 hợp đồng cầm cố tài sản. Tất cả những vật chứng trên được lưu trong hồ sơ vụ án.

*** Về dân sư:** Các bị cáo Trương Thanh T và Trần Thị T đã trả lại số tiền 330.000.000 đồng cho bị hại Nguyễn Thị Q và bị hại không yêu cầu gì thêm nên miễn xét.

Tại phiên tòa các bị cáo Trương Thanh T và Trần Thị T đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng đã nêu.

Bị hại Nguyễn Thị Q; những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án Phan Đình N, Nguyễn Hoàng Q, Nguyễn Đắc A và Nguyễn Thị H tất cả đã khai nhận phù hợp lời khai của các bị cáo và sự việc như đã cung cấp trong giai đoạn điều tra.

Tại lời nói sau cùng, các bị cáo nhận thức được hành vi của bị cáo là vi phạm pháp luật và mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Đ, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung:

{2.1} Xét lời nhận tội của các bị cáo Trương Thanh T và Trần Thị T tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại Cơ quan Cảnh sát điều tra, bị hại, những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan; kết luận giám định, vật chứng thu giữ và các tài liệu, chứng cứ khác được Cơ quan điều tra chứng minh có tại hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để xác định: Khoảng thời gian tháng 01/2021,

do làm ăn thua lỗ nợ nần nên bị cáo Trương Thanh T nảy sinh ý định làm giả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả để lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Bị cáo Trương Thanh T đã thông qua mạng xã hội Facebook cung cấp thông tin cá nhân của mình để một người (không rõ nhân thân, lai lịch) làm 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất giả. Sau khi có giấy tờ giả bị cáo T cùng bị cáo Trần Thị T sử dụng cầm cố 02 lần nhằm lừa đảo bị hại Nguyễn Thị Q (trú tại thôn P, xã N, huyện Đ là chủ dịch vụ cầm đồ M) để chiếm đoạt số tiền 360.000.000 đồng.

Hành vi bị cáo Trương Thanh T cung cấp thông tin cho một người trên mạng Facebook (không rõ nhân thân, lai lịch) làm giả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả, bằng thủ đoạn gian dối sử dụng giấy tờ giả để chiếm đoạt tài sản của bị hại Nguyễn Thị Q số tiền 360.000.000 đồng đã phạm tội *"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"* với tình tiết định khung *"Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 200.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng"* theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015 và tội *"Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức"* với tình tiết định khung "*Sử dụng con dấu, tài liệu hoặc giấy tờ khác thực hiện tội phạm rất nghiêm trọng hoặc tội phạm đặc biệt nghiêm trọng"* theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 341 Bộ luật Hình sự năm 2015; hành vi bị cáo Trần Thị T bằng thủ đoạn gian dối sử dụng giấy tờ giả để chiếm đoạt tài sản của bị hại Nguyễn Thị Q số tiền 360.000.000 đồng đã phạm tội *"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"* với tình tiết định khung *"Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 200.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng"* theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ đã đưa ra các chứng cứ buộc tội và truy tố các bị cáo Trương Thanh T và Trần Thị T về các tội danh nêu trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội và phù hợp với quy định pháp luật.

{2.2} Các bị cáo Trương Thanh T và Trần Thị T đều nhận thức rõ quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của người khác phải được tôn trọng và được pháp luật bảo vệ, mọi hành vi xâm phạm đến tài sản của người khác là vi phạm pháp luật. Do thiếu ý thức tôn trọng pháp luật, động cơ tư lợi nên các bị cáo Trương Thanh T và Trần Thị T đã cố ý thực hiện việc phạm tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản của người khác; bị cáo Trương Thanh T đã cố ý thực hiện việc phạm tội làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức. Hành vi mà các bị cáo gây ra là rất nguy hiểm cho xã hội, không chỉ trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp được pháp luật bảo vệ, xâm phạm hoạt động bình thường của cơ quan, tổ chức trong lĩnh vực quản lý hành chính Nhà nước, mà còn gây ra tâm lý hoang mang trong đời sống nhân dân, ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương. Do vậy, theo quy định pháp luật cần phải xử phạt các bị cáo một cách nghiêm minh, tương xứng với tính chất mức độ hành vi phạm tội của từng bị cáo để răn đe và ngăn ngừa tội phạm chung.

Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội, vai trò, nhân thân, tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo thì thấy:

- **Bị cáo Trương Thanh T:** Bị cáo T cung cấp thông tin cá nhân của mình để cho một đối tượng (không rõ nhân thân, lai lịch) làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức nhằm mục đích sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản trái pháp luật. Sau khi có giấy tờ giả bị cáo chủ động khởi xướng, rủ rê bị cáo Trần Thị T 02 lần cầm cố lừa đảo bị hại chiếm đoạt tổng số tiền 360.000.000 đồng nên phải chịu tình tiết tăng nặng "Phạm tội 02 lần trở lên" theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015. Tuy nhiên xét thấy, bị cáo không trực tiếp mà chỉ

cung cấp thông tin cá nhân của mình để cho một đối tượng (không rõ nhân thân, lai lịch) làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức để sử dụng thực hiện hành vi lừa đảo. Khi phạm tội bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, lần đầu phạm tội. Sau khi hành vi phạm tội lừa đảo bị phát hiện bị cáo cùng với bị cáo Trần Thị T nhanh chóng trả lại tiền chiếm đoạt trái pháp luật cho bị hại nhằm khắc phục hậu quả gây ra là tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo hành vi phạm tội của mình, tỏ rõ sự ăn năn hối cải (là 02 tình tiết giảm nhẹ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải) được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015. Theo nội dung Đơn xin xét xử vắng mặt bị hại Nguyễn Thị Q xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, nhiều người thân trong gia đình bị cáo có công lao trong sự nghiệp cách mạng được Nhà nước tặng thưởng nhiều danh hiệu cao quý, bị cáo là lao động chính trong gia đình, các con còn nhỏ dại, mẹ già thường xuyên đau bệnh có xác nhận của chính quyền địa phương là tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015. Hội đồng xét xử sẽ xem xét các tình tiết này để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo khi lượng hình.

Xét thấy, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ nên Hội đồng xét xử áp dụng Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015 để quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng.

Về tổng hợp hình phạt: Bị cáo Trương Thanh T phạm 02 tội, Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 55 Bộ luật Hình sự năm 2015 quyết định hình phạt đối với từng tội và tổng hợp hình phạt chung đối với bị cáo Tường.

- **Bị cáo Trần Thị T:** Bị cáo T thực hiện hành vi phạm tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản có vai trò chỉ là thứ yếu, khi nghe bị cáo Trương Thanh T rủ rê thì bị cáo từ chối, nhưng do mối quan hệ vợ chồng khi bị cáo Trương Thanh T tác động cầm đỡ lấy tiền trả nợ thì bị cáo nghe theo cùng bị cáo Trương Thanh T sử dụng giấy chứng nhận quyền sử dụng giả 02 lần cầm cố để lừa đảo chiếm đoạt tài sản bị hại tổng số tiền 360.000.000 đồng nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng "Phạm tội 02 lần trở lên" theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015. Tuy nhiên xét thấy, khi phạm tội bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, lần đầu phạm tội. Sau khi hành vi phạm tội lừa đảo bị phát hiện bị cáo cùng với bị cáo Trương Thanh T nhanh chóng trả lại tiền chiếm đoạt trái pháp luật cho bị hại nhằm khắc phục hậu quả gây ra là tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo hành vi phạm tội của mình, tỏ rõ sự ăn năn hối cải (là 02 tình tiết giảm nhẹ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải) được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015. Theo nội dung Đơn xin xét xử vắng mặt bị hại Nguyễn Thị Q xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, nhiều người thân trong gia đình bị cáo có công lao trong sự nghiệp cách mạng được Nhà nước tặng thưởng nhiều danh hiệu cao quý, bị cáo trực tiếp nuôi dưỡng 03 con còn nhỏ dại, chăm sóc mẹ chồng già yếu (mẹ bị cáo T) thường xuyên đau bệnh có xác nhận của chính quyền địa phương là tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015. Hội đồng xét xử sẽ xem xét các tình tiết này để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo khi lượng hình.

Xét thấy, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ nên Hội đồng xét xử áp dụng Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015 để quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng.

Xét hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của bị cáo vai trò chỉ là thứ yếu, có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, trực tiếp nuôi dưỡng 03 còn còn nhỏ dại, chăm sóc mẹ chồng già yếu (mẹ bị cáo T) thường xuyên đau bệnh, có nơi cư trú cụ thể, rõ ràng, có khả năng tự cải tạo nên áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 cho bị cáo được hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách và giao cho chính quyền địa phương giám sát, giáo dục đối với bị cáo cũng thể hiện tính nghiêm minh của pháp luật, cho bị cáo có cơ hội sửa chữa sai lầm, có điều kiện chăm lo cuộc sống gia đình con nhỏ, mẹ già và trở thành công dân có ích cho xã hội.

{2.3} Về trách nhiệm dân sự: Các bị cáo Trương Thanh T và Trần Thị T đã trả lại số tiền 330.000.000 đồng cho bị hại Nguyễn Thị Q và bị hại không yêu cầu các bị cáo bồi thường gì thêm nên không xét.

{2.4} Về vật chứng: Tạm giữ 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất giả; 02 hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và nhà ở; 01 hợp đồng cầm cố tài sản. Tất cả những vật chứng trên được lưu trong hồ sơ vụ án.

{2.5} Về vấn đề liên quan đến vụ án: Đối với số tài khoản 12815867 mở tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần A có tên chủ tài khoản Nguyễn Long A; nơi đăng ký HKTT: 220/16 Lê Văn T, Phường 9, quận G, thành phố Hồ Chí Minh. Tuy nhiên, qua điều tra xác minh địa chỉ trên không có người nào tên Nguyễn Long A, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ tách ra để điều tra, khi nào điều tra làm rõ xử lý sau.

Đối với việc Văn phòng Công chứng Đ đã Công chứng hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giả giữa Trương Thanh T và Phan Đình N, quá trình điều tra Công chứng viên không xác định được giấy tờ giả. Hơn nữa, trước khi tiến hành chứng thực hợp đồng, Công chứng viên đã kiểm tra trên hệ thống phần mềm quản lý hồ sơ công chứng CMC tuy nhiên do xảy ra lỗi nên không kiểm tra được và đã tiến hành công chứng hợp đồng. Do đó không đủ cơ sở để truy cứu trách nhiệm hình sự đối với Công chứng viên là phù hợp.

{2.6} Về án phí: Các bị cáo Trương Thanh T và Trần Thị T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 174; điểm b khoản 3 Điều 341; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 54; khoản 1 Điều 55 Bộ luật Hình sự năm 2015 *(sửa đổi, bổ sung năm 2017)*.

Tuyên bố bị cáo **Trương Thanh T** phạm các tội *"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"* và *"Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức"*.

Xử phạt bị cáo Trương Thanh T **03** *(Ba)* năm tù về tội *"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"* và **02** *(Hai)* năm tù về tội *"Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức"*; tổng hợp hình phạt chung cho cả 02 tội là **05** *(Năm)* năm tù; được khấu trừ thời tạm giam trước là **07** *(Bảy)* tháng **05** *(Năm)* ngày (từ ngày 16/3/2022 đến ngày 21/10/2022). Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị cáo bị bắt thi hành án.

2. Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 65; Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015 *(sửa đổi, bổ sung năm 2017)*.

Tuyên bố bị cáo **Trần Thị T** phạm tội *"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"*.

Xử phạt bị cáo Trần Thị Thúy **02** *(Hai)* năm **06** *(Sáu)* tháng tù nhưng cho hưởng án treo; thời gian thử thách là **05** *(Năm)* năm, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 21/02/2023).

Giao bị cáo Trần Thị T cho Ủy ban nhân dân xã H, huyện D, tỉnh Quảng Nam giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách án treo, nếu bị cáo Trần Thị T cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù đã cho hưởng án.

3. Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc các bị cáo Trương Thanh T và Trần Thị T mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng *(Hai trăm ngàn đồng)* án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- *Các cơ quan tiến tố tụng;*
- *Người tham gia tố tụng;*
- *Chi cục THADS huyện Đ;*
- *Vụ Giám đốc kiểm tra I);*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Lê Tự Soái